

TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HS-PT
Ngày 21-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 9

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- + Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Trung tá Trần Quốc Tài.
+ Các Thẩm phán: Thượng tá Lê Minh Sơn;
Thượng tá Nguyễn Vũ Phương.

- Thư ký phiên tòa: Trung úy Huỳnh Hải Duy, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 9.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Phòng không – Không quân tham gia phiên tòa: Thượng tá Lê Hồng Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 9, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2024/TLPT-HS ngày 02/02/2024 đối với bị cáo Võ Hữu P do có kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Phòng không – Không quân đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Võ Hữu P**; tên gọi khác: Tý; sinh ngày 01/01/1991, tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hữu N (đã chết) và bà Ngô Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; hiện đang chấp hành án treo tại địa phương; có mặt.

- Người bị hại: Đào Thu G; sinh ngày 16/4/1970; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 24/3/2023, Võ Hữu P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 69-K1 279.63 chở bà Đào Thu G lưu thông trên Quốc lộ 1A theo hướng thành phố C đi huyện CN. Khi đến đoạn Km 2237 + 450 thuộc ấp L, xã H, huyện CN thì gặp xe ô tô đầu kéo BKS 51C-651.65 chở container đang lưu thông cùng chiều phía trước. Do muốn vượt xe ô tô đầu kéo, mặc dù đã quan sát thấy phía trước phần đường bên trái có xe mô tô đang lưu thông theo

hướng ngược lại nhưng P vẫn quyết định tăng tốc, đánh lái sang phần đường ngược chiều để vượt xe ô tô đầu kéo. Khi xe mô tô của P điều khiển gần qua khỏi phần đầu của xe ô tô đầu kéo, chưa kịp đánh lái về phần đường bên phải thì va chạm với xe mô tô BKS 60-F3 155.55 do quân nhân Lý Văn V điều khiển làm hai xe mô tô ngã xuống đường, bà Đào Thu G bị văng vào xe đầu kéo và bị bánh sau bên trái cán qua dập nát hai cẳng chân.

Hậu quả: Bà Đào Thu G bị đa chấn thương phải cắt bỏ cẳng chân hai bên, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 75%. Quân nhân Lý Văn V bị đa chấn thương với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21%. Xe mô tô BKS 60-F3 155.55 bị hư hỏng phải sửa chữa với chi phí là 14.878.000 đồng.

Bị cáo Võ Hữu P có giấy phép lái xe hạng A1, cấp ngày 21/11/2013.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo Võ Hữu P và bị hại Đào Thu G đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 229.278.598 đồng, bị cáo đã bồi thường được 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là 225.278.598 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và bị hại giữ nguyên thỏa thuận bồi thường thiệt hại theo Biên bản thỏa thuận lập ngày 15/12/2023.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam yêu cầu bị cáo bồi hoàn chi phí điều trị cho bị hại Đào Thu G là 108.154.106 đồng. Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng yêu cầu bị cáo bồi hoàn chi phí điều trị cho bị hại Lý Văn V là 13.797.314 đồng.

Người bị hại Lý Văn V không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Xuân B (chủ sở hữu xe mô tô 60-F3 155.55) không yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe bị hư hỏng do tai nạn.

Bị hại Đào Thu G và Lý Văn V có đơn đề nghị miễn và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Võ Hữu P.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9 đã quyết định:

- Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ Hữu P (tên gọi khác: T) phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Hữu P 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án.

- Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Võ Hữu P phải bồi thường cho bị hại Đào Thu G số tiền 229.278.598 đồng, đã bồi thường 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là 225.278.598 đồng; bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam là 108.154.106 đồng; bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng là 13.797.314 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại, bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bảo

hiểm xã hội Bộ Quốc phòng là 351.230.018 đồng, bị cáo đã bồi thường được 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là 347.230.018 đồng.

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo Võ Hữu P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.361.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và các đương sự trong vụ án.

Ngày 24/01/2024, Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Phòng không – Không quân kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9; đề nghị sửa phần án phí dân sự của bản án theo hướng chỉ tuyên bị cáo Võ Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Phòng không – Không quân, giữ nguyên thỏa thuận bồi thường theo Biên bản thỏa thuận lập ngày 15/12/2023.

Quan điểm của Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Phòng không – Không quân:

Bản án sơ thẩm tính án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo Võ Hữu P phải bồi thường cho bị hại Đào Thu G là không đúng. Bởi vì, trước khi mở phiên tòa, bị cáo Võ Hữu P và bị hại Đào Thu G đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại với số tiền 229.278.598 đồng (theo Biên bản thỏa thuận lập ngày 15/12/2023). Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên thỏa thuận nêu trên. Căn cứ quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Võ Hữu P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã thỏa thuận bồi thường cho người bị hại Đào Thu G.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9 về án phí; buộc bị cáo Võ Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng là 6.097.571 đồng $((108.154.106 + 13.797.314) \times 5\% = 6.097.571)$. Vụ án do Viện kiểm sát kháng nghị nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

Tòa án sơ thẩm tuyên án ngày 28/12/2023, Viện kiểm sát Quân chủng Phòng không – Không quân ban hành kháng nghị ngày 24/01/2024, Tòa án quân

sự Khu vực Quân khu 9 nhận kháng nghị ngày 27/01/2024 nên còn trong thời hạn kháng nghị, hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát:

Kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Võ Hữu P và bị hại Đào Thu G đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại với số tiền 229.278.598 đồng (theo biên bản thỏa thuận lập ngày 15/12/2023). Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên thỏa thuận nêu trên. Thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần phải được ghi nhận. Bản án sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo thỏa thuận là không đúng bản chất khách quan của vụ án. Chính vì không ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên nên Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã thỏa thuận bồi thường trước khi mở phiên tòa là không đúng với quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Phòng không – Không quân, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9 về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét nội dung có liên quan đến kháng nghị của Viện kiểm sát:

Quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 229.278.598 đồng cho người bị hại Đào Thu G, từ đó buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền này là không đúng. Để có cơ sở tính lại án phí dân sự sơ thẩm theo kháng nghị của Viện kiểm sát, phần bồi thường thiệt hại phải được tuyên lại theo hướng ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Võ Hữu P và người bị hại Đào Thu G; buộc bị cáo phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng đối với các khoản chi phí điều trị cho những người bị hại, cụ thể như sau:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Võ Hữu P và người bị hại Đào Thu G. Bị cáo Võ Hữu P có nghĩa vụ phải bồi thường cho người bị hại Đào Thu G với số tiền 229.278.598 đồng, đã bồi thường 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là 225.278.598 đồng.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Võ Hữu P phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam với số tiền là 108.154.106 đồng; bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng với số tiền là 13.797.314 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Võ Hữu P phải chịu 6.097.571 đồng án phí dân sự sơ thẩm ($121.951.420 \times 5\% = 6.097.571$).

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị nên bị cáo Võ Hữu P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm c khoản 3 Điều 260; điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Phòng không – Không quân, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9 về phần bồi thường thiệt hại và phần án phí dân sự sơ thẩm.

- Về phần bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Võ Hữu P và người bị hại Đào Thu G. Bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho người bị hại Đào Thu G với số tiền 229.278.598 đồng, đã bồi thường 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là 225.278.598 (hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm chín mươi tám) đồng.

Áp dụng khoản 1 các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Võ Hữu P phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam với số tiền là 108.154.106 đồng; bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng với số tiền là 13.797.314 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi hoàn là 121.951.420 (một trăm hai mươi một triệu chín trăm năm mươi một nghìn bốn trăm hai mươi) đồng.

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Võ Hữu P phải chịu 6.097.571 (sáu triệu không trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/3/2024)/.

Nơi nhận:

- VKSQS QCPKKQ (01);
- Cơ quan ĐTHS KV3 QCPKKQ (01);
- VKSQS KV2 QCPKKQ (01);
- TAQSKV QK9 (02);
- Bị cáo Võ Hữu P (01);
- Bị hại Đào Thu G (01);
- Phòng Thi hành án QK9 (01)
- Lưu HSVA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trung tá Trần Quốc Tài